

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DSST
Ngày: 22-01-2021
V/v tranh chấp về hợp
đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải;

Ông Lê Hùng Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tươi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thảo Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2019 về “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020; Thông báo về việc hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 09/TB-TA ngày 26 tháng 11 năm 2020 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa xét xử sơ thẩm số: 10/TB-TA ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở: Số 169, phố L, phường H, quận M, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Võ Nhật Duy A, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B (theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25-11-2016). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957.

Bà Huỳnh Thị B, sinh năm: 1963.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B là ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1957; địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh. (Theo văn bản

ủy quyền ngày 09/10/2019). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Võ Nhật Duy A trình bày:

Hộ gia đình bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn T ký hợp đồng tín dụng số 6000004800080151 với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B (gọi tắt là Ngân hàng) để vay tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 27-10-2008 hộ gia đình bà B, ông T vay số tiền 4.000.000 đồng; ngày 27-02-2009 vay số tiền 4.000.000 đồng; ngày 30-10-2009 vay số tiền 4.300.000 đồng; ngày 24-3-2010 vay số tiền 4.300.000 đồng; ngày 25-02-2011 vay số tiền 4.300.000 đồng; ngày 29-9-2011 vay số tiền 10.000.000 đồng. Tổng cộng các lần vay là 30.900.000 đồng tiền gốc. Lãi suất vay là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,65%/tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 25-3-2017. Mục đích vay là để trả chi phí học tập cho con là Nguyễn Quốc S.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Đối với các khoản vay, ông T, bà B không trả khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng. Do đó, ông T, bà B đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông T, bà B cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 22-01-2021) là 23.440.959 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.187.599 đồng, lãi quá hạn là 10.253.360 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23 tháng 01 năm 2021 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn – ông Nguyễn Văn T và là người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị B trình bày:

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-12-2019, ông T trình bày: Ông thừa nhận có nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 18-9-2019) là 19.876.714 đồng, tổng cộng là 50.776.714 đồng. Trong các chứng từ giao dịch với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B là do vợ ông là bà Huỳnh Thị B ký nhận. Nhưng ông yêu cầu Tòa án xác minh làm rõ ai là người vi phạm hợp đồng, ông vi phạm nội dung gì của hợp đồng, vì lý do ngày 01-10-2012 bà Huỳnh Thị B đến Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B nộp hồ sơ vay vốn chương trình học sinh, sinh viên. Trong hồ sơ có sổ vay vốn, có giấy xác nhận của Chủ tịch xã nhưng chờ hoài mà không nhận được tiền, đồng thời Ngân hàng giữ sổ vay vốn không cho ông tiếp tục vay vốn để lo cho con ông đi học. Ông yêu cầu điều tra, sau khi có kết quả điều tra và xét xử ai là người vi phạm hợp đồng vay tài sản, nếu phía ông và bà B vi phạm thì ông và bà B sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ. Ngoài ra, ông không trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án gửi quyết định và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trễ hạn theo quy định tại Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án ngày 20-9-2019, nhưng đến ngày 30-9-2020 mới ra quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm Điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B do ông Nguyễn Võ Nhật Duy A là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B do ông T là người đại diện theo ủy quyền đã được tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A, ông T là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông T, bà B. Buộc ông T, bà B cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ theo hợp đồng là 30.900.000 đồng tiền gốc và tiền lãi (tính đến ngày 22-01-2021) là 23.440.959 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.187.599 đồng, lãi quá hạn là 10.253.360 đồng). Tổng cộng là 54.340.959 đồng.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông T được miễn án phí theo qui định. Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự, phát biểu của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông T và bà B có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Võ Nhật Duy A là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B do ông T là người đại diện theo ủy quyền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt anh A, ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị B, ông Nguyễn Văn T có ký hợp đồng tín dụng số 6000004800080151 với Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B để vay tiền nhiều lần. Tổng cộng các lần vay là 30.900.000 đồng tiền gốc. Lãi suất vay là 0,5%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 0,65%/tháng, ngày đến hạn trả nợ là ngày 25-3-2017. Mục đích vay là để trả chi phí học tập cho con là Nguyễn Quốc S. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà B chưa trả khoản tiền gốc và tiền lãi nào cho Ngân hàng. Nên Ngân hàng yêu cầu ông T, bà B cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 22-01-2021) là 23.440.959 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.187.599 đồng, lãi quá hạn là 10.253.360 đồng), tổng cộng là 54.340.959 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng từ ngày 23 tháng 01 năm 2021 cho đến khi trả nợ xong. Ông T thừa nhận có nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi. Nhưng ông yêu cầu Tòa án xác minh vì sao Ngân hàng giữ sổ vay vốn không cho ông tiếp tục vay vốn để lo cho con ông đi học, làm rõ ai là người vi phạm hợp đồng, nếu phía ông T và bà B vi phạm thì ông T và bà B sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền vay còn nợ cho Ngân hàng

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy rằng:

Giữa ông T, bà B và Ngân hàng đã giao kết hợp đồng số 6000004800080151 và ông T cũng thừa nhận có nợ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi và bà B đã nhận đủ tiền vay từ Ngân hàng theo các phiếu chi ngày 27-10-2008 nhận 4.000.000 đồng; ngày 27-02-2009 nhận 4.000.000 đồng; ngày 30-10-2009 nhận 4.300.000 đồng; ngày 24-3-2010 nhận 4.300.000 đồng; ngày 25-02-2011 nhận 4.300.000 đồng; ngày 29-9-2011 nhận 10.000.000 đồng do bà Huỳnh Thị B ký nhận là có thật. Nhưng ông T, bà B chưa trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết. Do đó, có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B do ông Nguyễn Võ Nhật Duy A là người đại diện theo ủy quyền.

[4] Xét yêu cầu của ông T, ông yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu điều tra, xác minh làm rõ việc Ngân hàng giữ sổ vay vốn không cho ông tiếp tục vay vốn để lo cho con ông đi học là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

[5] Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông T và bà B cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ và phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B phải chịu 2.717.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo

quy định tại Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà Huỳnh Thị B phải chịu 1.358.523 đồng (làm tròn 1.359.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B không phải chịu án phí theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B đối với ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B.

2. Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B cùng có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 6000004800080151 là 54.340.959 đồng, trong đó tiền gốc là 30.900.000 đồng và tiền lãi (tính đến ngày 22-01-2021) là 23.440.959 đồng (trong đó lãi trong hạn là 13.187.599 đồng, lãi quá hạn là 10.253.360 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, nếu ông Nguyễn Văn T và bà Huỳnh Thị B chưa trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng ông T, bà B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ ngày 23 tháng 01 năm 2021 đối với khoản nợ còn phải thi hành cho đến khi trả xong, theo mức lãi suất ghi trong hợp đồng tín dụng số 6000004800080151.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí theo qui định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; bà Huỳnh Thị B phải chịu 1.358.523 đồng (làm tròn 1.359.000 đồng) (một triệu ba trăm năm mươi chín nghìn) đồng.

Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B không phải chịu án phí theo qui định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, ông Nguyễn Văn T, bà Huỳnh Thị B được quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Vân

